BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 2413 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 12 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tao;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ngày 12 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra của ngành Quản ký kinh tế trình độ thạc sĩ, áp dụng từ khóa đào tạo cao học K49 (tuyển sinh đợt 2 năm 2024) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh và các đơn vị liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Website;
- HUMG e-OFFICE;
- Lưu: HCTH, SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2413/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 12. năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

1. Những thông tin chung

Tên chương trình: QUẢN LÝ KINH TẾ
Tên Tiếng Anh: ECONOMIC MANAGEMENT
Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã số: 8310110
Đơn vị chủ quản: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
Định hướng đào tạo: - Ứng dụng
- Nghiên cứu
Bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ kinh tế (đối với định hướng ứng dụng)
Thạc sĩ khoa học (đối với định hướng nghiên cứu)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

Kết thúc khóa đào tạo thạc sỹ Quản lý kinh tế người học được định hướng hoạt động tại các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị công với tư cách là chuyên gia tư vấn kinh tế hoặc nhà quản lý ở các cấp khác nhau; Nhận dạng và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực hữu hạn của tổ chức; Làm chủ các kĩ năng lãnh đạo, kĩ năng ra quyết định để đương đầu với các biến động thường nhật của môi trường kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Theo định hướng ứng dụng:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Người học có kiến thức chuyên môn sâu, rộng nhằm thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế, có năng lực làm việc độc lập.
PO2	Người học có khả năng tổ chức, thực thi chính sách quản lý kinh tế, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào việc thực hiện các công việc quản lý cụ thể.
PO3	Người học có kỹ năng xã hội, có phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng đòi hỏi của các đề án phát triển kinh tế liên quan tới nhiều ngành khác nhau.

b) Theo định hướng nghiên cứu:

Mục tiêu cụ thể (POs)	Nội dung
PO1	Người học có trình độ chuyên môn sâu về quản lý kinh tế, có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng tự nghiên cứu những tri thức, kiến thức tiên tiến, mang tính cập nhật cao trong khoa học về quản lý kinh tế.
PO2	Người học có khả năng phát huy và phát triển cao năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo của mình tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.
PO3	Người học có kỹ năng nghiên cứu, có đạo đức, và tinh thần trách nhiệm với xã hội để thực hiện những nghiên cứu liên quan đến nhiều ngành khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế, đảm bảo tính trung thực, tính cập nhật và tính thực tiễn.

3. Chuẩn đầu vào

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
Kiến thức	
PLO 1: Vận dụng (Apply) được thế giới quan, phương pháp luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và thực hiện công việc liên quan.	**PI 1.1. Vận dụng (Apply)** được thế giới quan, phương pháp luận triết học trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện công việc. **PI 1.2. Vận dụng (Apply)** phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn.
PLO 2: Tổng hợp (Synthesize) được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu, tiên tiến về quản lý kinh tế để giải quyết các vấn đề cụ thể trong từng lĩnh vực quản lý cụ thể.	**PI 2.1. Tổng hợp (Synthesize)** được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về quản lý kinh tế. **PI 2.2. Tổng hợp (Synthesize)** được các kiến thức liên ngành có thực tiễn cao của các lĩnh vực kinh tế cụ thể.
PLO 3: Đánh giá (Evaluate) được các vấn đề chuyên môn về quản lý kinh tế làm cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý kinh tế.	**PI 3.1. Đánh giá (Evaluate)** được các chính sách quản lý kinh tế từ góc độ vĩ mô trong trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế. **PI 3.2. Đánh giá (Evaluate)** được đặc điểm riêng của các lĩnh vực kinh tế, hoạt động kinh tế khác nhau (góc độ vi mô) trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế.
Kỹ năng	
PLO 4: Sử dụng thành thạo (Perfect) kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu.	**PI 4.1. Sử dụng thành thạo (Perfect)** kỹ năng ngoại ngữ để học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập toàn cầu. **PI 4.2. Sử dụng thành thạo (Perfect)** các kỹ năng mềm có được trong quá trình học tập để ứng dụng trong công việc thực tiễn và trong nghiên cứu.
PLO 5: Thực hiện (Implement) phối hợp các kỹ năng để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý kinh tế	**PI 5.1. Thực hiện (Implement)** việc phát hiện, đánh giá, phản biện được các vấn đề về quản lý kinh tế trong môi trường đổi mới và hội nhập quốc tế. **PI 5.2. Thực hiện (Implement)** việc ra quyết định quản lý, lãnh đạo trong các tổ chức kinh tế, cơ quan quản lý từ cấp trung ương đến địa phương ở tầm vĩ mô và vi mô.
PLO 6: Đề xuất (Propose) các giải pháp quản lý có tính khoa học, tính thực tiễn và tính khả thi.	**PI 6.1. Đề xuất (Propose)** các giải pháp quản lý trên cơ sở khoa học, phù hợp với nguồn lực và bối cảnh thực tiễn, chiến lược phát triển của tổ chức. **PI 6.2. Đề xuất (Propose)** được các giải pháp theo hình thức cụ thể như: qui trình, mô hình hay dự án đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO 7: Hình thành (Formed) thái độ chủ động và ý thức đạo đức, ý thức làm việc, học tập đối với hoạt động chuyên môn .	**PLO 7.1: Hình thành (Formed)** thái độ chủ động trong việc hoạch định, lãnh đạo, tổ chức thực hiện các quyết định và chính sách trong quản lý kinh tế và các đơn vị. **PLO 7.2: Hình thành (Formed)** ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức làm việc độc lập, ý thức tự giác học tập để nâng cao trình độ chuyên môn.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Chỉ số thực hiện (PIs)
PLO 8: Thể hiện (Express) tư duy đổi mới, sáng tạo và khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân.	**PI 8.1. Thể hiện (Express)** tư duy đổi mới sáng tạo, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu, đánh giá, giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế. **PI 8.2. Thể hiện (Express)** năng lực tổng kết, đánh giá và phản biện các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân trước tập thể.
PLO 9: Phát triển (Develop) năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa, có ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.	**PI 9.1. Phát triển (Develop)** năng lực thích ứng của bản thân trong môi trường đa văn hóa. **PI 9.2. Hình thành (Perform)** ý thức học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội, có năng lực dẫn dắt và truyền cảm hứng trong nghề nghiệp.

5. Chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Khối lượng kiến thức: Theo định hướng ứng dụng: 60 TC

Theo định hướng nghiên cứu: 60 TC

Thời gian đào tạo: 1,5 - 2,0 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2,5 năm đối với hình thức vừa làm vừa học.

5.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Nội dung		Định hướng ứng dụng (60TC)	Định hướng nghiên cứu (60 TC)
Phần 1. Nhóm các học phần bắt buộc	Học phần học chung: Triết học	3	3
	Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu	24	20
Phần 2. Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH		18	22
Phần 3. Thực tập + Đề án tốt nghiệp hoặc Luận văn Thạc sĩ		15	15

6. Khối lượng kiến thức

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60 TC)	Định hướng nghiên cứu (60 TC)
		Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh		
5.1	**Nhóm các học phần bắt buộc**			**27**	**23**

24	***Các học phần học chung***			**3**	**3**
1	8020101	Triết học	Phylosophy	3	3
5.1.2	***Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu***			**24**	**20**
1	8070201	Quản lý chiến lược	Strategic management	3	3
2	8070301	Quản lý dự trữ hàng hóa	Commodity reserves management	2	2
3	8070101	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative analysis for economic management	3	0
4	8070302	Dự báo kinh tế	Economic Forecast	2	2
5	8070303	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao	Advanced project management for investment on construton	3	3
6	8070401	Tổ chức nguồn lực tài chính	Organizing Financial resources	3	3
7	8070404	Pháp luật kinh doanh	Business Law	3	3
8	8070104	Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế	Information system in Economic Management	2	2
9	8070102	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management of the Economy	3	2
6.2	**Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH**			**18**	**22**
6.2.1	**Các học phần tự chọn**			**18**	**10**
1	8070305	Các phương pháp thẩm định giá trị tài sản và doanh nghiệp	Methods for evaluating assets and corporate values	2	2
2	8070103	Quản trị kinh doanh quốc tế	International business management	2	2
3	8070402	Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	Building structural capital of enterprises in market economy	2	2
4	8070202	Tâm lý học trong quản lý kinh tế	Psychology in Economics Management	2	2
5	8070306	Kỹ thuật Marketing nâng cao	Advanced Marketing Technique	2	2
6	8070410	Quản lý tài chính công	Public finance Management	2	2

7	8070307	Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế	Optimal problem in economic management	2	2
8	8070204	Kinh tế học lao động	Labor economics	2	2
9	8070308	Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế	Enviromental Economics and Management	2	0
10	8070304	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resource and environment management	2	0
11	8070203	Quản lý chi phí	Cost management	2	2
12	8070411	Các định chế tài chính	The financial institutions	2	2
13	8070205	Quản lý sự thay đổi và khủng hoảng của các tổ chức	Organizations' Changes and Crisis Management	2	2
14	8070405	Quản lý Ngân sách Nhà nước	State budget Management	2	2
15	8070406	Quản lý Kho bạc Nhà nước	Management of the State Treasury	2	2
16	8070407	Quản lý Thuế	Tax management	2	2
17	8070408	Quản lý tài sản công	Management of public assets	2	2
18	8070409	Tiền tệ ngân hàng	Monetary banking	2	2
19	8070206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	2	0
20	8070309	Kinh tế học Biến đổi khí hậu	The Economics of Climate Change	2	0
21	8070208	Tổ chức hạch toán kinh tế nội bộ và khoán chi phí trong các doanh nghiệp công nghiệp	Internal accounting and allocation of production costs in companies	2	2
22	8040201	Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản	Quantitative mineral resource assessments	2	2
23	8100107	Các biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng công trình ngầm	Methods to increase the effeciency of underground construction	2	2
24	8050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	System of land change updating management	2	2
25	8040606	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất	Management and protection of underground water	2	2
26	8050706	Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch	Establishing and use map in tourism	2	2

27	8050705	Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường	Environmental mapping	2	2
28	8050703	Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ	Research methodology by map	2	2
29	8050305	Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh	Application of GNSS Technology for Photogrammetry	2	2
30	8050306	Kỹ thuật LIDAR	Lidar Technology	2	2
31	8050309	Mô hình số độ cao	Digital Elevation Model	2	2
32	8040508	Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá	Method of evalution and reinforcement of rock mass	2	2
33	8040509	Sự cố công trình xây dựng và các giải pháp xử lý	Foundation failures, causes and counter measures	2	2
34	8090503	Quy hoạch thực nghiệm	Empirical planning	2	2
35	8090504	Độ tin cậy máy, thiết bị mỏ và dầu khí	The reliability of machine and mining equipment, oil and gas	2	2
36	8090507	Phương pháp vận tải bằng đường ống	Method of pipe transportation	2	2
37	8090512	Lý thuyết nâng cao trong nghiên cứu thiết kế máy, thiết bị mỏ và dầu khí	Advanced theory in the study designing for machines and equipment of mining and oil-gas fields	2	2
38	8060122	Ứng dụng địa vật lý trong khoáng sản và môi trường	Application of geophysical exploration for mineral resources and environment	2	2
39	8060120	Các thành tựu mới trong Địa chất - Địa vật lý Dầu khí và biển	Geology-Geophysics advances in petroleum and marine	2	2
40	8060315	Công nghệ mới trong chế biến dầu khí	Advanced Technologies in Oil Refining and Gas Processing	2	2
41	8060316	Kiểm soát môi trường trong công nghiệp dầu khí	Environment Control in Oil and Gas Industry	2	2

42	8060317	Nhiên liệu sạch	Clean Fuel Technology	2	2
43	8060314	Năng lượng xanh	Green Energy	2	2
44	8030407	Phát triển bền vững công nghiệp chế biến và sử dụng khoáng sản	Sustainable development of processing industry and the ultilization of minerals	2	2
45	8030413	Xử lý quặng bằng phương pháp nhiệt	Theory of Pyrometallurgical processes	2	2
46	8030402	Kỹ thuật mới trong tuyển bằng phương pháp vật lý	Advances in Physical separation methods	2	2
47	8100104	Ổn định và bền vững công trình ngầm	Stability and sustainability of the underground construction	2	2
48	8100114	Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt	Environmental protection in building and using underground, mining and special constructions	2	2
49	8100112	Quy hoạch mặt bằng và công trình bề mặt phục vụ cho xây dựng, sử dụng công trình ngầm	Site and construction planning surface in building and using underground construction	2	2
50	8100116	Những tiến bộ trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm bằng phương pháp lộ thiên	Advances in underground construction by open-cast methods	2	2
51	8030502	Một số phương pháp giải các bài toán biên	Some methods to resolving boundary problems	2	2
52	8090102	Tổ chức cung cấp điện	Electric power supply structruring	2	2
53	8090111	Quy hoạch và quản lý lưới điện	Power Grid Planning and Managing	2	2
54	8090105	Kỹ thuật an toàn điện và phòng cháy nổ	Safety techniques to prevent electrical shock nd explosion-proof underground mines	2	2
55	8090208	Tin học công nghiệp nâng cao	Industrial Informatics Advanced	2	2
56	8090311	Điện tử ứng dụng trong công nghiệp mỏ	Application of Electronic in Mining Industry	2	2

57	8090210	Mô hình hóa đối tượng nhiều biến	Multivariate modeling	2	2
58	8090211	Kỹ thuật số và điều khiển lôgic nâng cao	Advanced Digital and logic control	2	2
59	8090209	Điều khiển quá trình	Process Control	2	2
60	8010102	Toán tối ưu quá trình sản xuất	Optimization problems	2	2
61	8030102	Những công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ lộ thiên	Advanced technologies in surface mining	2	2
62	8030104	Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên	Increase of mineral quality in surface mining exploitation	2	2
63	8030112	Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ	Environmental modeling in mining	2	2
64	8030205	Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ	Completing the schemes of opening up and development of coal scam	2	2
65	8030209	Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò	Environtmental impact assessment of mining projects	2	2
66	8030211	Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất trong khai thác mỏ hầm lò	Solutions in organizations of flux productions in underground mine	2	2
67	8040407	Khoáng tướng học	Technological Mineralography	2	2
68	8040701	Khoáng chất công nghiệp	Industrial minerals	2	2
69	8040311	Địa tầng phân tập và phương pháp nghiên cứu	Sequence stratigraphy and reseach method	2	2
70	8060423	Năng lượng tái tạo	Renewable energy	2	0
6.2.2	**Các chuyên đề NCKH**			**0**	**12**
	8070310	Khoa học quản lý	Management science	**0**	**3**
	8070207	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	**0**	**3**

	8070106	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative Analysis for Economic Management	**0**	**3**
	8070311	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resources and Environmental Management	**0**	**3**
6.3	**Thực tập và Đề án tốt nghiệp hoặc Luận văn thạc sĩ**		Internship and Graduation Project or Master Thesis	**15 (TTTN 6 TC và Đề án TN 9 TC)**	**15 (LVTN 15 TC)**
		Tổng		**60**	**60**

7. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (Chia làm 3 học kỳ đối với hình thức đào tạo chính quy và 4 học kỳ đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học)

TT	Mã số	Tên các học phần		Định hướng ứng dụng (60TC)					Định hướng nghiên cứu (60TC)					Học kỳ
		Tên tiếng việt	Tên tiếng Anh	Tổng	LT	BT	TH	TL	Tổng	LT	BT	TH	TL	
6.1	**Nhóm các học phần bắt buộc**			**27**					**24**					
6.1.1	***Các học phần học chung***			**3**					**3**					
1	7020101	Triết học	Phylosophy	3					3					1
6.1.2	***Các học phần cơ sở và chuyên ngành thiết yếu***			**24**					**21**					
2	8070201	Quản lý chiến lược	Strategy management	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
3	8070301	Quản lý dự trữ hàng hóa	Commodity reserves management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1
4	8070101	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative analysis in economic management	3	2,5	0,5								1 (ĐHUD)

5	8070302	Dự báo kinh tế	Economic Forecast	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1
6	8070303	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cao	Advanced project management for investment on construton	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
7	8070401	Tổ chức nguồn lực tài chính	Organizing Financial resources	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
8	8070404	Pháp luật kinh doanh	Business Law	3	2,5	0,5			3	2,5	0,5			1
9	8070104	Hệ thống thông tin trong quản lý kinh tế	Information system in Economic Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			1
10	8070102	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management of the Economy	3	2,5	0,5			2	1,5	0,5			2
6.2	**Nhóm các học phần tự chọn và chuyên đề NCKH**			**18**						**22**				
6.2.1	**Các học phần tự chọn**			**18**						**10**				

1	8070305	Các phương pháp thẩm định giá trị tài sản và doanh nghiệp	Methods for evaluating assets and corporate values	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
2	8070103	Quản trị kinh doanh quốc tế	International business management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
3	8070402	Xây dựng cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường	Building structural capital of enterprises in market economy	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
4	8070202	Tâm lý học trong quản lý kinh tế	Psychology in Economics Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
5	8070306	Kỹ thuật Marketing nâng cao	Advanced Marketing Technique		1,5	0,5				1,5	0,5			2
6	8070410	Quản lý tài chính công	Public finance Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
7	8070307	Bài toán tối ưu trong quản lý kinh tế	Optimal problem in	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

			economic management											
8	8070204	Kinh tế học lao động	Labor economics	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
9	8070308	Quản lý môi trường bằng công cụ kinh tế	Enviromental Economics and Management	2	1,5	0,5								2 (ĐHUD)
10	8070304	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resource and environmental management	2	1,5	0,5								2 (ĐHUD)
11	8070203	Quản lý chi phí	Cost management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
12	8070411	Các định chế tài chính	The financial institutions	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
13	8070205	Quản lý sự thay đổi và khủng hoảng của các tổ chức	Organizations' Changes and Crisis Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
14	8070405	Quản lý Ngân sách Nhà nước	State budget Management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

15	8070406	Quản lý Kho bạc Nhà nước	Management of the State Treasury	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
16	8070407	Quản lý Thuế	Tax management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
17	8070408	Quản lý tài sản công	Management of public assets	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
18	8070409	Tiền tệ ngân hàng	Monetary banking	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
19	8070206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research Methods in Economics	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
20	8070309	Kinh tế học Biến đổi khí hậu	The Economics of Climate change	2	1,5	0,5								2 (ĐHUD)
21	8070208	Tổ chức hạch toán kinh tế nội bộ và khoán chi phí trong các doanh nghiệp công nghiệp	Internal accounting and allocation of production costs in companies	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
22	8040201	Nghiên cứu và dự báo định lượng tài nguyên khoáng sản	Quantitative mineral resource assessments	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

23	8100107	Các biện pháp nâng cao hiệu quả xây dựng công trình ngầm	Methods to increase the effeciency of underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
24	8050605	Hệ thống quản lý biến động đất đai	System of land change updating management	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
25	8040606	Quản lý và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất	Management and protection of underground water	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
26	8050706	Thành lập và sử dụng bản đồ trong du lịch	Establishing and use map in tourism	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
27	8050705	Thành lập và sử dụng bản đồ trong lĩnh vực môi trường	Environmental mapping	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
28	8050703	Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ	Research methodology by map	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
29	8050305	Ứng dụng công nghệ GNSS trong đo ảnh	Application of GNSS Technology for Photogrammetry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
30	8050306	Kỹ thuật LIDAR	Lidar Technology	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

31	8050309	Mô hình số độ cao	Digital Elevation Model	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
32	8040508	Phương pháp đánh giá chất lượng và gia cố khối đá	Method of evalution and reinforcement of rock mass	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
33	8040509	Sự cố công trình xây dựng và các giải pháp xử lý	Foundation failures, causes and counter measures	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
34	8090503	Quy hoạch thực nghiệm	Empirical planning	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
35	8090504	Độ tin cậy máy, thiết bị mỏ và dầu khí	The reliability of machine and mining equipment, oil and gas	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
36	8090507	Phương pháp vận tải bằng đường ống	Method of pipe transportation	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
37	8090512	Lý thuyết nâng cao trong nghiên cứu thiết kế máy, thiết bị mỏ và dầu khí	Advanced theory in the study designing for machines and equipment of mining and oil-gas fields	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

38	8060122	Ứng dụng địa vật lý trong khoáng sản và môi trường	Application of geophysical exploration for mineral resources and environment	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
39	8060120	Các thành tựu mới trong Địa chất - Địa vật lý Dầu khí và biển	Geology-Geophysics advances in petroleum and marine	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
40	8060315	Công nghệ mới trong chế biến dầu khí	Advanced Technologies in Oil Refining and Gas Processing	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
41	8060316	Kiểm soát môi trường trong công nghiệp dầu khí	Environment Control in Oil and Gas Industry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
42	8060317	Nhiên liệu sạch	Clean Fuel Technology	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
43	8060314	Năng lượng xanh	Green Energy	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
44	8030407	Phát triển bền vững công nghiệp chế biến và sử dụng khoáng sản	Sustainable development of processing industry and the ultilization of minerals	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

45	8030413	Xử lý quặng bằng phương pháp nhiệt	Theory of Pyrometallurgical processes	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
46	8030402	Kỹ thuật mới trong tuyển bằng phương pháp vật lý	Advances in Physical separation methods	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
47	8100104	Ổn định và bền vững công trình ngầm	Stability and sustainability of the underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
48	8100114	Bảo vệ môi trường trong xây dựng, sử dụng công trình ngầm, mỏ và công trình đặc biệt	Environmental protection in building and using underground, mining and special constructions	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
49	8100112	Quy hoạch mặt bằng và công trình bề mặt phục vụ cho xây dựng, sử dụng công trình ngầm	Site and construction planning surface in building and using underground construction	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
50	8100116	Những tiến bộ trong lĩnh vực xây dựng	Advances in underground construction by	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

		công trình ngầm bằng phương pháp lộ thiên	open-cast methods											
51	8030502	Một số phương pháp giải các bài toán biên	Some methods to resolving boundary problems	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
52	8090102	Tổ chức cung cấp điện	Electric power supply structruring	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
53	8090111	Quy hoạch và quản lý lưới điện	Power Grid Planning and Managing	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
54	8090105	Kỹ thuật an toàn điện và phòng cháy nổ	Safety techniques to prevent electrical shock nd explosion-proof underground mines	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
55	8090208	Tin học công nghiệp nâng cao	Industrial Informatics Advanced	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
56	8090311	Điện tử ứng dụng trong công nghiệp mỏ	Application of Electronic in Mining Industry	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

57	8090210	Mô hình hóa đối tượng nhiều biến	Multivariate modeling	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
58	8090211	Kỹ thuật số và điều khiển lôgic nâng cao	Advanced Digital and logic control	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
59	8090209	Điều khiển quá trình	Process Control	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
60	8010102	Toán tối ưu quá trình sản xuất	Optimization problems	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
61	8030102	Những công nghệ tiên tiến trong khai thác mỏ lộ thiên	Advanced technologies in surface mining	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
62	8030104	Nâng cao chất lượng khoáng sản trong khai thác mỏ lộ thiên	Increase of mineral quality in surface mining exploitation	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
63	8030112	Mô hình hóa môi trường trong khai thác mỏ	Environmental modeling in mining	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
64	8030205	Hoàn thiện sơ đồ mở vỉa và chuẩn bị ruộng mỏ	Completing the schemes of opening up and development of coal scam	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2

65	8030209	Đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong khai thác mỏ hầm lò	Environtmental impact assessment of mining projects	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
66	8030211	Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất trong khai thác mỏ hầm lò	Solutions in organizations of flux productions in underground mine	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
67	8040407	Khoáng tướng học	Technological Mineralography	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
68	8040701	Khoáng chất công nghiệp	Industrial minerals	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
69	8040311	Địa tầng phân tập và phương pháp nghiên cứu	Sequence stratigraphy and reseach method	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
70	8060423	Năng lượng tái tạo	Renewable energy	2	1,5	0,5			2	1,5	0,5			2
6.2.2	**Chuyên đề NCKH**			**0**					**12**					
1	8070310	Khoa học quản lý	Management science						3	2,5			0,5	1

2	8070207	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	Research methods in economics						3	2,5			0,5	1
3	8070106	Phân tích định lượng trong quản lý kinh tế	Quantitative analysis in economic management						3	2,5			0,5	2
4	8070311	Quản lý tài nguyên và môi trường	Resources and environmental management						3	2,5			0,5	2
6.3	**Thực tập tốt nghiệp và Đề án tốt nghiệp hoặc Luận văn tốt nghiệp**		Internship and Graduation Project or Master thesis	**15** (TTTN 6 TC và ĐATN 9 TC**)**					**15** (LVTN)					**3**
	Tổng			**60**										